

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2493/CST-GTGT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

V/v trả lời vướng mắc của Hiệp hội Chế biến
và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

Kính gửi: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí (Cục QLGSCST) nhận được kiến nghị của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (sau đây gọi là Hiệp hội) theo Thông báo số 394/TB-VPCP ngày 21/7/2026 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị Thường trực Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp với chủ đề “Tháo gỡ điểm nghẽn – Khơi thông nguồn lực – Thúc đẩy tăng trưởng”.

Nội dung kiến nghị:

- Vấn đề phản ánh: Thu thuế giá trị gia tăng (GTGT) với hàng xuất khẩu bị trả về để tái chế rồi xuất lại (loại hình G13) gây nộp trước hoàn sau.
- Giải pháp, kiến nghị đề xuất: Hiệp hội kiến nghị đưa hàng G13 vào đối tượng không chịu thuế GTGT.

Về nội dung này, Cục QLGSCST có ý kiến như sau:

Do không có hồ sơ, tài liệu cụ thể nên Cục QLGSCST trả lời như sau:

Tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định hoàn thuế GTGT đối với xuất khẩu như sau:

“a) Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác;”

Tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về hoàn thuế GTGT đối với xuất khẩu:

“b) Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác là hàng hóa do cơ sở kinh doanh nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam sau đó trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, không bao gồm hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.”

Tại khoản 3 Điều 18 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 quy định về hoàn thuế:

“3. Cơ quan quản lý thuế phân loại hồ sơ hoàn thuế hoặc số tiền hoàn thuế để hoàn thuế trước cho người nộp thuế hoặc kiểm tra trước hoàn thuế. Quy định tại khoản này không áp dụng đối với trường hợp xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.”

Tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế:

“a) Đối với trường hợp thuộc diện hoàn thuế trước: chậm nhất là 06 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế có thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế, cơ quan thuế có quyết định hoàn thuế, thông báo số tiền đề nghị hoàn nhưng không được hoàn thuế (số tiền đề nghị hoàn nhưng không được hoàn, số tiền đề nghị hoàn nhưng không được hoàn và chuyển khấu trừ, số tiền đề nghị hoàn nhưng không được hoàn, không được khấu trừ), thông báo chuyển hồ sơ, số tiền đề nghị hoàn của người nộp thuế sang diện kiểm tra trước hoàn thuế theo quy định, thông báo hồ sơ, số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế không bao gồm thời gian người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung thông tin tài liệu theo yêu cầu của cơ quan thuế;”

Căn cứ quy định nêu trên, pháp luật thuế GTGT đã có quy định hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu. Pháp luật về quản lý thuế đã quy định thời hạn về thời gian hoàn thuế đối với trường hợp thuộc diện hoàn thuế trước. Do vậy, đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật.

Cục QLGSCT trả lời đề Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam biết./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Phó Cục trưởng Lưu Đức Huy (để b/c);
- Lưu: VT, GTGT. *mm* (046)

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG,
THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**



Trần Thị Tuyết